

DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHŨ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh)

Phần A. Tài liệu khung Hệ thống quản lý chất lượng			
Stt	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
1	Mô hình (Sổ tay chất lượng) hệ thống quản lý chất lượng	STCL01/VP	
2	Quy trình kiểm soát thông tin đăng văn bản	QTBB 01/VP	
3	Quy trình nhận diện rủi ro và xử lý các rủi ro và cơ hội	QTBB 02/VP	
4	Quy trình đánh giá nội bộ	QTBB 03/VP	
5	Quy trình Kiểm soát sự không phù hợp và Hành động khắc phục	QTBB 04/VP	
6	Quy trình xem xét hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	QTXCLĐ/ISO	

Phần B. Quy trình Thủ tục hành chính								
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	QĐ ban hành QTNB	Đối tượng	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Phòng thực hiện
1	3.000250.H13	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	178/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	1040/QĐ-UBND ngày 28/08/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
2	1.011471.H13	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	133/QĐ-UBND ngày 15/1/2024	1040/QĐ-UBND ngày 28/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
3	1.013226.H13	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Đư án) và nhà ở riêng lẻ	212/QĐ-UBND ngày 4/9/2025	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
4	2.001283.000.0 0.00.H13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	1703/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
5	2.001270.000.0 0.00.H13	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	2209/QĐ-UBND ngày 15/8/2018	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
6	2.001261.000.0 0.00.H13	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	1703/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
7	2.001240.000.0 0.00.H13	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	1703/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
8	2.000620.000.0 0.00.H13	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	1917; 1963/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
9	2.000615.000.0 0.00.H13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	980/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
10	2.000633.000.0 0.00.H13	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1703/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
11	1.001279.000.0 0.00.H13	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	980/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
12	2.000181.000.0 0.00.H13	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1917; 1963/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
13	2.000162.000.0 0.00.H13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	980/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
14	2.000150.000.0 0.00.H13	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	980/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
15	3.000309.H13	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
16	1.006390.000.00 .00.H13	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
17	1.006444.000.00 .00.H13	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
18	1.012962.H13	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
19	1.006445.000.00 .00.H13	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
20	1.012961.H13	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
21	2.001842.000.00 .00.H13	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
22	1.004552.000.00 .00.H13	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
23	1.001639.000.00 .00.H13	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
24	1.004563.000.00 .00.H13	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
25	1.012963.H13	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH

26	1.012970.H13	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
27	3.000308.H13	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
28	3.000307.H13	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
29	1.012969.H13	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
30	1.012965.H13	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
31	1.012966.H13	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
32	1.012968.H13	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
33	1.012967.H13	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
34	1.012964.H13	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
35	2.002481.000.00 .00.H13	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
36	2.002482.000.00 .00.H13	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
37	2.002483.000.00 .00.H13	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
38	2.001904.000.00 .00.H13	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
39	1.003702.000.00 .00.H13	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
40	1.001622.000.00 .00.H13	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
41	1.008950.000.00 .00.H13	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
42	1.008725.000.00 .00.H13	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
43	1.008951.000.00 .00.H13	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
44	1.008724.000.00 .00.H13	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
45	1.012971 .H13	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
46	1.012972.H13	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
47	1.012973.H13	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
48	1.012974.H13	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
49	1.012975.H13	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
50	3.000467.H13	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
51	3.000468.H13	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	1174/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1851/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
52	1.014335.H13	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	1418/QĐ-UBND ngày 20/9/2025	2001/QĐ-UBND ngày 23/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
53	1.014336.H13	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	1418/QĐ-UBND ngày 20/9/2025	2001/QĐ-UBND ngày 23/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
54	1.014337.H13	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	1418/QĐ-UBND ngày 20/9/2025	2001/QĐ-UBND ngày 23/10/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH

55	2.000629.000.0 0.00.H13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	980/QĐ-UBND ngày 13/5/2020		Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
56	1.010812.000.0 0.00.H13	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quân lý	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
57	1.013706.H13	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025		Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
58	2.002096.000.0 0.00.H13	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	24/SYQĐ-UBND	572/QĐ-UBND ngày 11/07/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
59	1.004498.000.0 0.00.H13	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	839/QĐ-UBND ngày 7/5/2025	946/QĐ-UBND ngày 22/08/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
60	1.004478.000.0 0.00.H13	Công bố mở cảng cá loại III	891/QĐ-UBND ngày 9/4/2025	946/QĐ-UBND ngày 22/08/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
61	1.003956.000.0 0.00.H13	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	839/QĐ-UBND ngày 7/5/2025	946/QĐ-UBND ngày 22/08/2025	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
62	1.003471.000.0 0.00.H13	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	591/QĐ-UBND (theo 2305/QĐ-BNNMT)	684/QĐ-UBND ngày 29/07/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
63	1.003440.000.0 0.00.H13	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	591/QĐ-UBND (theo 2305/QĐ-BNNMT)	684/QĐ-UBND ngày 29/07/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
64	1.003446.000.0 0.00.H13	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	591/QĐ-UBND (theo 2305/QĐ-BNNMT)		Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
65	1.004082.000.0 0.00.H13	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	536/QĐ-UBND (theo 2308/QĐ-BNNMT)	960/QĐ-UBND ngày 25/08/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
66	2.002123.000.0 0.00.H13	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
67	1.005277.000.0 0.00.H13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
68	1.005378.000.0 0.00.H13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
69	1.005280.000.0 0.00.H13	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Xã	Phòng KT
70	2.001973.000.0 0.00.H13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
71	1.004982.000.0 0.00.H13	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
72	1.004979.000.0 0.00.H13	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
73	1.005010.000.0 0.00.H13	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
74	1.004901.000.0 0.00.H13	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
75	1.005377.000.0 0.00.H13	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
76	2.001958.000.0 0.00.H13	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
77	2.001921.000.0 0.00.H13	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích lưu hành trên đường bộ	919/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1192/QĐ-UBND ngày 14/05/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT

78	1.005040.000.0 0.00.H13	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	35/SYQĐ-UBND ngày 6/11/2017		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng KT
79	2.000477.000.0 0.00.H13	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	1712/QĐ-UBND ngày 3/10/2025		Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng VH-XH
80	2.000286.000.0 0.00.H13	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	1712/QĐ-UBND ngày 3/10/2025		Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng VH-XH
81	2.000282.000.0 0.00.H13	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	1712/QĐ-UBND ngày 3/10/2025		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
82	2.001157.000.0 0.00.H13	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng VH-XH
83	2.001396.000.0 0.00.H13	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng VH-XH
84	1.003658.000.0 0.00.H13	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	899/QĐ-UBND ngày 14/4/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
85	1.004088.000.0 0.00.H13	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	901/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	1241/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
86	1.004036.000.0 0.00.H13	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	901/QĐ-UBND	1241/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
87	1.004002.000.0 0.00.H13	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	901/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	1241/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
88	1.003970.000.0 0.00.H13	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	901/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	1241/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
89	1.003930.000.0 0.00.H13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	901/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	1241/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
90	2.001659.000.0 0.00.H13	Xóa đăng ký phương tiện	901/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	1241/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
91	1.004047.000.0 0.00.H13	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	901/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	1241/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT

92	2.001711.000.0 0.00.H13	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	901/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	1241/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
93	2.000528.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
94	2.000806.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
95	1.001766.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
96	2.000779.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
97	1.001695.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
98	1.001669.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
99	2.000756.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
100	2.002189.000.0 0.00.H13	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
101	2.000554.000.0 0.00.H13	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
102	2.000547.000.0 0.00.H13	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
103	2.000522.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
104	1.000893.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
105	2.000513.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
106	2.000497.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
107	2.000635.000.0 0.00.H13	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
108	2.000424.000.0 0.00.H13	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	15/QĐ-UBND ngày 3/1/2024	1251/QĐ-UBND ngày 15/09/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
109	2.001621.000.0 0.00.H13	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	591/QĐ-UBND (theo 2305/QĐ-BNNMT)	684/QĐ-UBND ngày 29/07/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
110	2.000950.000.0 0.00.H13	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	15/QĐ-UBND ngày 3/1/2024	1237/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	Công dân Việt Nam	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
111	2.000930.000.0 0.00.H13	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	15/QĐ-UBND ngày 3/1/2024	1237/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
112	2.002080.000.0 0.00.H13	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	15/QĐ-UBND ngày 3/1/2024	1237/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
113	1.001022.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
114	1.000689.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
115	1.000656.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký khai tử	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
116	1.003583.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
117	1.000593.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
118	1.000419.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
119	1.004837.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký giám hộ	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND

120	1.004845.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký chấm dứt giấy hộ	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
121	1.004859.000.0 0.00.H13	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
122	1.004873.000.0 0.00.H13	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
123	1.005461.000.0 0.00.H13	Đăng ký lại khai tử	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
124	1.004772.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
125	1.004746.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
126	1.004884.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
127	2.001263.000.0 0.00.H13	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	1704/QĐ-UBND (theo 1844, 1855, 1858 và 1848/QĐ- BTP)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
128	2.001255.000.0 0.00.H13	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	1704/QĐ-UBND (theo 1844, 1855, 1858 và 1848/QĐ- BTP)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
129	1.006391.000.0 0.00.H13	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	901/QĐ-UBND ngày 11/4/2025		Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
130	1.001699.000.0 0.00.H13	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1712/QĐ-UBND ngày 3/10/2025	1653/QĐ-UBND ngày 24/7/2024	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
131	1.001653.000.0 0.00.H13	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1712/QĐ-UBND ngày 3/10/2025	1653/QĐ-UBND ngày 24/7/2024	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
132	2.000355.000.0 0.00.H13	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	1712/QĐ-UBND ngày 3/10/2025	880/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
133	1.001776.000.0 0.00.H13	Thực hiện, điều chỉnh, thời hướng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1712/QĐ-UBND ngày 3/10/2025		Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
134	1.005090.000.0 0.00.H13	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	675/QĐ-UBND (theo 1672, 1674, 1693/QĐ-BGDDT)		Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
135	1.004964.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)	886/QĐ-UBND ngày 08/04/2025	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
136	1.001257.000.0 0.00.H13	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
137	2.000720.000.0 0.00.H13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	672/QĐ-UBND (theo 2353/QĐ-BTC)	871/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Xã	Phòng KT
138	1.001612.000.0 0.00.H13	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	672/QĐ-UBND (theo 2353/QĐ-BTC)	871/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Xã	Phòng KT
139	1.001266.000.0 0.00.H13	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	672/QĐ-UBND (theo 2353/QĐ-BTC)	871/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Xã	Phòng KT
140	2.000575.000.0 0.00.H13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	3165/QĐ-UBND ngày 4/12/2018	871/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Xã	Phòng KT
141	2.001088.000.0 0.00.H13	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	2601/QĐ-UBND ngày 20/11/2020		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trè em (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
142	2.001218.000.0 0.00.H13	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	831/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
143	2.001217.000.0 0.00.H13	Đồng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	831/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
144	2.001215.000.0 0.00.H13	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	831/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT

145	2.001214.000.0 0.00.H13	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	831/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
146	2.001212.000.0 0.00.H13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	831/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
147	2.001211.000.0 0.00.H13	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	831/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
148	1.002372.000.0 0.00.H13	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	3291/QĐ-UBND ngày 31/12/2019		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Bộ; Cấp Xã	Phòng KT
149	1.005007.000.0 0.00.H13	Thủ tục mua bán hóa đơn bán tài sản nhà nước và hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước	3291/QĐ-UBND ngày 31/12/2019		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
150	1.004894.000.0 0.00.H13	Quản lý và sử dụng hoá đơn bán TSNN và hoá đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước	3291/QĐ-UBND ngày 31/12/2019		Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
151	1.001570.000.0 0.00.H13	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	672/QĐ-UBND (theo 2353/QĐ-BTC)	871/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Xã	Phòng KT
152	2.001661.000.0 0.00.H13	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	676/QĐ-UBND (theo 2179, 2180, 2244, 2257, 2278, 2294, 2306 và 2278/QĐ- BYT)	880/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
153	1.001193.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký khai sinh	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
154	1.000894.000.0 0.00.H13	Thủ tục đăng ký kết hôn	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
155	2.000908.000.0 0.00.H13	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Văn phòng HĐND&UBND
156	2.000884.000.0 0.00.H13	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	625/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
157	2.000913.000.0 0.00.H13	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	625/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
158	2.000927.000.0 0.00.H13	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	625/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
159	2.000942.000.0 0.00.H13	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	625/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
160	2.001035.000.0 0.00.H13	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	625/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
161	2.001019.000.0 0.00.H13	Thủ tục chứng thực di chúc	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	625/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
162	2.001016.000.0 0.00.H13	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	625/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
163	2.001406.000.0 0.00.H13	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	625/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND

164	2.001009.000.0 0.00.H13	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	625/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
165	2.000748.000.0 0.00.H13	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	604/QĐ-UBND ngày 07/03/2025	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
166	2.001008.000.0 0.00.H13	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
167	2.000992.000.0 0.00.H13	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	1181/QĐ-UBND ngày 16/6/2020	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
168	2.000815.000.0 0.00.H13	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	384/QĐ-UBND (theo 1704/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (theo 1857/QĐ-BTP))	625/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
169	1.004946.000.0 0.00.H13	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1029/QĐ-UBND ngày 24/4/2025		Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
170	1.004944.000.0 0.00.H13	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1029/QĐ-UBND ngày 24/4/2025		Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
171	2.001947.000.0 0.00.H13	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	1029/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	880/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
172	1.004941.000.0 0.00.H13	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cả nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1029/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	880/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
173	2.001944.000.0 0.00.H13	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cả nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	1029/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	880/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
174	2.001942.000.0 0.00.H13	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cả nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	1029/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	880/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
175	1.001731.000.0 0.00.H13	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1712/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	880/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
176	1.003596.000.0 0.00.H13	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	1362/QĐ-UBND ngày 3/6/2025		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
177	2.000986.000.0 0.00.H13	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)		Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
178	1.002759.000.0 0.00.H13	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT	1945/QĐ-UBND ngày 13/8/2019		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
179	1.002693.000.0 0.00.H13	Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	2213/QĐ-UBND ngày 4/11/2025		Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã	Hạ tầng kỹ thuật	Cấp Xã	Phòng KT
180	1.014371.H13	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	2130/QĐ-UBND ngày 30/10/2025		Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	Cấp Xã	Phòng KT
181	1.003434.000.0 0.00.H13	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	647/QĐ-UBND (theo 778/QĐ-BNNMT và 2299/QĐ-BNNMT)	1132/QĐ-UBND ngày 04/09/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
182	2.002228.000.0 0.00.H13	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	3121/QĐ-UBND ngày 17/12/2019	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
183	2.002226.000.0 0.00.H13	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	3121/QĐ-UBND ngày 17/12/2019	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
184	1.008004.000.0 0.00.H13	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	1710/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	889/QĐ-UBND ngày 20/08/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
185	2.001627.000.0 0.00.H13	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	591/QĐ-UBND (theo 2305/QĐ-BNNMT)	684/QĐ-UBND ngày 29/07/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
186	1.001742.000.0 0.00.H13	Giải quyết chuyển hướng sang địa bàn khác đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng và người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng	4239/QĐ-UBND ngày 30/12/2021		Công dân Việt Nam	Thực hiện chính sách BHXH (Bộ Tài chính)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
187	2.002307.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	1135/QĐ-UBND ngày 8/6/2020		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
188	2.002308.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	1058/QĐ-UBND ngày 26/4/2025		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
189	2.002311.000.0 0.00.H13	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	1881/QĐ-UBND (690/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 phi địa giới)		Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng VH-XH

190	2.002314.000.0 0.00.H13	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	1881/QĐ-UBND (690/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 phi địa giới)		Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng VH-XH
191	2.002313.000.0 0.00.H13	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	1881/QĐ-UBND (690/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 phi địa giới)		Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng VH-XH
192	2.002312.000.0 0.00.H13	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	1881/QĐ-UBND (690/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 phi địa giới)		Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng VH-XH
193	2.002165.000.0 0.00.H13	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	15/QĐ-UBND ngày 3/1/2024	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
194	2.002363.000.0 0.00.H13	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	341/QĐ-UBND ngày 13/2/2025	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
195	1.009444.000.0 0.00.H13	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	899/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
196	1.009447.000.0 0.00.H13	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	838/QĐ-UBND ngày 3/4/2023	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
197	1.009453.000.0 0.00.H13	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	899/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
198	1.009454.000.0 0.00.H13	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	899/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
199	1.009455.000.0 0.00.H13	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	899/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
200	1.009465.000.0 0.00.H13	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1328/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
201	1.009452.000.0 0.00.H13	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	899/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
202	2.002396.000.0 0.00.H13	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	686/QĐ-UBND (theo 587/QĐ-TTCP)	857/QĐ-UBND ngày 18/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
203	1.010091.000.0 0.00.H13	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	592/QĐ-UBND (theo 2302/QĐ-BNNMT)	818/QĐ-UBND ngày 13/08/2025	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
204	1.010092.000.0 0.00.H13	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	592/QĐ-UBND (theo 2302/QĐ-BNNMT)	818/QĐ-UBND ngày 13/08/2025	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
205	2.002409.000.0 0.00.H13	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	686/QĐ-UBND (theo 587/QĐ-TTCP)	857/QĐ-UBND ngày 18/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
206	1.010736.000.0 0.00.H13	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	537/QĐ-UBND (theo 2266/QĐ-BNNMT)	890/QĐ-UBND ngày 20/08/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
207	1.010801.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1058/QĐ-UBND ngày 26/4/2025		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH

208	1.010802.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	1058/QĐ-UBND ngày 26/4/2025		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
209	1.010803.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
210	1.010804.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
211	1.010805.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
212	1.010810.000.0 0.00.H13	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
213	1.010811.000.0 0.00.H13	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
214	1.010814.000.0 0.00.H13	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1058/QĐ-UBND ngày 26/4/2025		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
215	1.010788.000.0 0.00.H13	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1058/QĐ-UBND ngày 26/4/2025		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
216	1.010816.000.0 0.00.H13	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
217	1.010817.000.0 0.00.H13	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
218	1.010818.000.0 0.00.H13	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
219	1.010819.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
220	1.010820.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
221	1.010821.000.0 0.00.H13	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
222	1.010824.000.0 0.00.H13	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
223	1.010825.000.0 0.00.H13	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
224	1.010830.000.0 0.00.H13	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
225	1.010829.000.0 0.00.H13	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
226	1.010833.000.0 0.00.H13	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	1058/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
227	2.002501.000.0 0.00.H13	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	1657/QĐ-UBND ngày 1/6/2022	2984/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
228	1.010945.000.0 0.00.H13	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	1656/QĐ-UBND ngày 1/6/2022	3064/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
229	1.010940.000.0 0.00.H13	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1856/QĐ-UBND ngày 27/6/2022		Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
230	1.010939.000.0 0.00.H13	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1856/QĐ-UBND ngày 27/6/2022		Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
231	1.010938.000.0 0.00.H13	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1856/QĐ-UBND ngày 27/6/2022		Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
232	1.010941.000.0 0.00.H13	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1856/QĐ-UBND ngày 27/6/2022		Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
233	2.002516.H13	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	660/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
234	1.000110.H13	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)		Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND

235	1.000094.H13	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)		Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
236	1.004827.H13	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)		Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
237	1.000080.H13	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)		Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
238	1.001662.H13	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	1715/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	661/QĐ-UBND ngày 25/07/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
239	1.011606.H13	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	538/QĐ-UBND (theo 2306/QĐ-BNNMT)	1351/QĐ-UBND ngày 2/6/2025	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
240	1.011607.H13	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	538/QĐ-UBND (theo 2306/QĐ-BNNMT)	1351/QĐ-UBND ngày 2/6/2025	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
241	1.011608.H13	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	538/QĐ-UBND (theo 2306/QĐ-BNNMT)	1351/QĐ-UBND ngày 2/6/2025	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
242	1.011609.H13	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	538/QĐ-UBND (theo 2306/QĐ-BNNMT)	1351/QĐ-UBND ngày 2/6/2025	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
243	1.012084.H13	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	2985/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	3211/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
244	1.012085.H13	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	2985/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	3211/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
245	1.012299.H13	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	168/QĐ-BNV ngày 14/3/2024		Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
246	1.012301.H13	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	168/QĐ-BNV ngày 14/3/2024		Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
247	1.012300.H13	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	168/QĐ-BNV ngày 14/3/2024		Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
248	1.012427.H13	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	1142/QĐ-UBND ngày 22/5/2024		Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Cụm Công nghiệp (Bộ Công Thương)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
249	2.002620.H13	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	1703/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	2427/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
250	1.012568.H13	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	1639/QĐ-UBND ngày 23/7/2024		Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	Cấp Xã	Phòng KT
251	1.012569.H13	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1639/QĐ-UBND ngày 23/7/2024		Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
252	1.012592.H13	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	1655/QĐ-UBND (theo 716/QĐ-UBND ngày 01-8-2025 phi địa giới hành chính)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
253	1.012591.H13	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	1655/QĐ-UBND (theo 716/QĐ-UBND ngày 01-8-2025 phi địa giới hành chính)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
254	1.012590.H13	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	753/QĐ-UBND (theo 364/QĐ-BDTTG)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
255	1.012585.H13	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	753/QĐ-UBND (theo 364/QĐ-BDTTG)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
256	1.012584.H13	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	1655/QĐ-UBND (theo 716/QĐ-UBND ngày 01-8-2025 phi địa giới hành chính)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
257	1.012582.H13	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	1655/QĐ-UBND (theo 716/QĐ-UBND ngày 01-8-2025 phi địa giới hành chính)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
258	2.002638.H13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
259	2.002642.H13	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
260	2.002643.H13	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
261	2.002644.H13	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
262	2.002645.H13	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
263	2.002637.H13	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT

264	2.002639.H13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
265	2.002635.H13	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Xã	Phòng KT
266	2.002636.H13	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
267	2.002650.H13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
268	2.002648.H13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
269	2.002640.H13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
270	2.002649.H13	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
271	2.002646.H13	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
272	2.002641.H13	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
273	1.012789.H13	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
274	1.012793.H13	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)		Doanh nghiệp	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
275	1.012756.H13	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)		Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
276	1.012753.H13	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1267/QĐ-UBND (theo 3380/QĐ- BNNMT)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
277	1.012790.H13	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
278	1.012796.H13	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
279	1.012812.H13	Hòa giải tranh chấp đất đai	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
280	1.012784.H13	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
281	1.012791.H13	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
282	1.012818.H13	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT

283	1.012817.H13	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
284	1.012766.H13	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
285	1.012836.H13	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lông, gang tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	1711/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	961/QĐ-UBND ngày 25/08/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
286	1.012837.H13	Phê duyệt hồ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lông bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	1711/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	961/QĐ-UBND ngày 25/08/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
287	1.012222.H13	Công nhận người có uy tín	1655/QĐ-UBND (theo 716/QĐ-UBND ngày 01-8-2025 phi địa giới hành chính)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
288	1.012223.H13	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	1655/QĐ-UBND (theo 716/QĐ-UBND ngày 01-8-2025 phi địa giới hành chính)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
289	1.012888.H13	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	2395/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
290	2.002668.H13	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	870/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
291	1.012994.H13	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	707/QĐ-UBND (theo 2096/QĐ-BTC)		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tái chính đất đai (Bộ Tài chính)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
292	1.012995.H13	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	2885/QĐ-UBND		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tái chính đất đai (Bộ Tài chính)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
293	1.012996.H13	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	2885/QĐ-UBND		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tái chính đất đai (Bộ Tài chính)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
294	1.002211.H13	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	0001/BTP ngày 26/7/2024	1237/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
295	1.013040.H13	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	673/QĐ-UBND (theo 2113/QĐ-BTC)	890/QĐ-UBND ngày 20/08/2025	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
296	2.002400.H13	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	1656/QĐ-UBND ngày 1/6/2022	685/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Văn phòng HĐND&UBND
297	2.002403.H13	Thủ tục thực hiện việc giải trình	1656/QĐ-UBND ngày 1/6/2022	685/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Văn phòng HĐND&UBND
298	2.002402.H13	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	1656/QĐ-UBND ngày 1/6/2022	685/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Văn phòng HĐND&UBND
299	2.002401.H13	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	1656/QĐ-UBND ngày 1/6/2022	685/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Văn phòng HĐND&UBND
300	1.013061.H13	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1328/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
301	3.000323.H13	Đăng ký giám sát việc giám hộ	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	604/QĐ-UBND ngày 07/03/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
302	3.000322.H13	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	1704/QĐ-UBND (theo 1833/QĐ-BTP ngày 27/6/2025)	604/QĐ-UBND ngày 07/03/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HĐND&UBND
303	3.000327.H13	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	707/QĐ-UBND (theo 2096/QĐ-BTC)		Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
304	3.000326.H13	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	707/QĐ-UBND (theo 2096/QĐ-BTC)		Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
305	3.000325.H13	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	485/QĐ-UBND ngày 24/2/2025		Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT

306	1.013232.H13	Cấp giấy phép đi dôi đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	212/QĐ-UBND ngày 4/9/2025	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
307	1.013225.H13	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	212/QĐ-UBND ngày 4/9/2025	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
308	1.013229.H13	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	212/QĐ-UBND ngày 4/9/2025	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
309	1.013228.H13	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	212/QĐ-UBND ngày 4/9/2025	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
310	1.013227.H13	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	212/QĐ-UBND ngày 4/9/2025	1223/QĐ-UBND ngày 11/09/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp Xã	Phòng KT
311	1.003347.H13	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	591/QĐ-UBND (theo 2305/QĐ-BNNMT)	684/QĐ-UBND ngày 29/07/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
312	3.000410.H13	Quyết định xác lập quyền sử hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	707/QĐ-UBND (theo 2096/QĐ-BTC)		Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
313	3.000412.H13	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	538/QĐ-UBND (theo 2306/QĐ-BNNMT)	1351/QĐ-UBND ngày 2/6/2025	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
314	1.013997.H13	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	1711/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	961/QĐ-UBND ngày 25/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủ y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
315	1.013949.H13	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đủ giá quyền sử dụng đất, không đủ đầu tư lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	1267/QĐ-UBND (theo 3380/QĐ-BNNMT)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
316	1.013979.H13	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thừa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
317	1.013967.H13	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
318	1.013950.H13	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	1267/QĐ-UBND (theo 3380/QĐ-BNNMT)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
319	1.013952.H13	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	1267/QĐ-UBND (theo 3380/QĐ-BNNMT)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
320	1.013953.H13	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	1267/QĐ-UBND (theo 3380/QĐ-BNNMT)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
321	1.013988.H13	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
322	1.013833.H13	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liên kế; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 phi địa giới lĩnh vực Đất đai)		Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
323	1.003622.000.0 0.00.H13	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025		Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
324	1.001029.H13	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
325	1.000963.H13	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
326	1.013791.H13	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
327	1.012084.H13	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	3211/QĐ-UBND Ngày 27/12/2023	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
328	1.012085.H13	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	3211/QĐ-UBND Ngày 27/12/2023	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
329	2.000794.000.0 0.00.H13	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	1168/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
330	1.013792.H13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH

331	1.013793.H13	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
332	1.013794.H13	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
333	1.013795.H13	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1166/QĐ-UBND ngày 8/9/2025		Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
334	1.013965.H13	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	1267/QĐ-UBND (theo 3380/QĐ-BNNMT)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
335	1.013947.H13	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	2304/QĐ-UBND (theo 1700/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 phải địa giới lĩnh vực Đất đai)		Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
336	1.013798.H13	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIANG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỌP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CỘ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	753/QĐ-UBND (theo 364/QĐ-BD TTG)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
337	1.013797.H13	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỌP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CỘ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	753/QĐ-UBND (theo 364/QĐ-BD TTG)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
338	1.013796.H13	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRƯỚC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	753/QĐ-UBND (theo 364/QĐ-BD TTG)	1047/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
339	1.013978.H13	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	1267/QĐ-UBND (theo 3380/QĐ-BNNMT)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
340	1.013962.H13	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hương lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	1267/QĐ-UBND (theo 3380/QĐ-BNNMT)	720/QĐ-UBND ngày 04/08/2025	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
341	3.000443.H13	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2298/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	997/QĐ-UBND ngày 26/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
342	3.000440.H13	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2298/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	997/QĐ-UBND ngày 26/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
343	3.000439.H13	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2298/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	997/QĐ-UBND ngày 26/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
344	3.000442.H13	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2298/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	997/QĐ-UBND ngày 26/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
345	3.000441.H13	Trà lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2298/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	997/QĐ-UBND ngày 26/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
346	3.000467.H13	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	675/QĐ-UBND (theo 1672, 1674, 1693/QĐ-BGDDĐT)		Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng VH-XH
347	3.000468.H13	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	675/QĐ-UBND (theo 1672, 1674, 1693/QĐ-BGDDĐT)		Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng VH-XH
348	1.008603.H13	Kế khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	673/QĐ-UBND (theo 2113/QĐ-BTC)	890/QĐ-UBND ngày 20/08/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
349	1.013725.H13	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	1702b/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
350	1.013724.H13	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	1702b/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
351	1.013734.H13	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	1702d/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Công dân Việt Nam	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
352	1.010772.H13	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
353	1.010781.H13	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH

354	1.010774.H13	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
355	1.010778.H13	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
356	1.013749.H13	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
357	1.013750.H13	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
358	1.013744.H13	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
359	1.012531.H13	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	594/QĐ-UBND (theo 2261/QĐ-BNNMT)	1040/QĐ-UBND ngày 28/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
360	1.012922.H13	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	594/QĐ-UBND (theo 2261/QĐ-BNNMT)	1040/QĐ-UBND ngày 28/08/2025	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
361	1.013704.H13	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
362	1.013711.H13	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
363	1.013714.H13	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
364	1.013707.H13	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
365	1.013709.H13	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
366	1.013715.H13	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
367	1.013702.H13	Công nhận ban vận động thành lập hội	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
368	1.013713.H13	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
369	1.013712.H13	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
370	1.013708.H13	Hội tự giải thể	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
371	1.013716.H13	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
372	1.013710.H13	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
373	1.013717.H13	Quỹ tự giải thể	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
374	1.013703.H13	Thành lập hội	1702/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1165/QĐ-UBND ngày 08/09/2025	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
375	1.007999.H13	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng).	1710/QĐ-UBND ngày 27/6/2025		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
376	1.007919.H13	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	594/QĐ-UBND (theo 2261/QĐ-BNNMT)	1040/QĐ-UBND ngày 28/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
377	1.012694.H13	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	1217/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	1040/QĐ-UBND ngày 28/08/2025	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
378	1.013768.H13	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	591/QĐ-UBND (theo 2305/QĐ-BNNMT)	684/QĐ-UBND ngày 29/07/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
379	1.010775.H13	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
380	1.010777.H13	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
381	1.010815.H13	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	1917-2; 1963/QĐ-UBND ngày 20/10/2025		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
382	1.013743.H13	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng và trang (cộng an, quân đội)	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã sd, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
383	1.012695.H13	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	1217/QĐ-UBND ngày 10/9/2025		Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
384	1.010783.H13	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	1917-2; 1963/QĐ-UBND ngày 20/10/2025		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH

385	1.010773.H13	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã số, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Xã	Phòng VH-XH
386	1.013745.H13	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	1702c/QĐ-UBND (06 TTHC đã số, bs theo 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025)		Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
387	2.002349.H13	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	1704/QĐ-UBND (theo 1844, 1855, 1858 và 1848/QĐ-BTP)		Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HBND&UBND
388	1.003005.H13	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1704/QĐ-UBND (theo 1844, 1855, 1858 và 1848/QĐ-BTP)		Người nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	Văn phòng HBND&UBND
389	1.000314.H13	Chấp thuận vị trí đầu nổi tạm vào đường bộ đang khai thác	1707/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1192/QĐ-UBND ngày 14/05/2025	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
390	1.013274.H13	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1707/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1192/QĐ-UBND ngày 14/05/2025	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
391	1.014028.H13	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp lưu trí xã hội	676/QĐ-UBND (theo 2179, 2180, 2244, 2257, 2278, 2294, 2306 và 2278/QĐ-BYT)	880/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
392	1.014027.H13	Thực hiện, điều chỉnh, thời hướng trợ cấp lưu trí xã hội	676/QĐ-UBND (theo 2179, 2180, 2244, 2257, 2278, 2294, 2306 và 2278/QĐ-BYT)	880/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
393	1.014111.H13	Thi tuyển công chức	677/QĐ-UBND (theo 728/QĐ-BNV)		Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
394	1.014116.H13	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	677/QĐ-UBND (theo 728/QĐ-BNV)		Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
395	1.014113.H13	Xét tuyển công chức	677/QĐ-UBND (theo 728/QĐ-BNV)		Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
396	1.014035.H13	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	672/QĐ-UBND (theo 2353/QĐ-BTC)	871/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
397	1.014034.H13	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	672/QĐ-UBND (theo 2353/QĐ-BTC)	871/QĐ-UBND ngày 19/08/2025	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp Xã	Phòng KT
398	3.000502.H13	Thăm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	692/QĐ-UBND ngày 29/7/2025	1040/QĐ-UBND ngày 28/08/2025	Công dân Việt Nam	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
399	1.014149.H13	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	821/QĐ-BNV ngày 1/8/2025		Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
400	1.014150.H13	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	821/QĐ-BNV ngày 1/8/2025		Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng VH-XH
401	1.014159.H13	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	1130/QĐ-UBND (theo 1390/QĐ-BXD)	1772/QĐ-UBND ngày 08/10/2025	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Phòng KT
402	1.014156.H13	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1130/QĐ-UBND (theo 1390/QĐ-BXD)	1772/QĐ-UBND ngày 08/10/2025	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng KT
403	1.014158.H13	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1130/QĐ-UBND (theo 1390/QĐ-BXD)	1772/QĐ-UBND ngày 08/10/2025	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng KT
404	1.014155.H13	Thăm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1130/QĐ-UBND (theo 1390/QĐ-BXD)	1772/QĐ-UBND ngày 08/10/2025	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng KT
405	1.014157.H13	Thăm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1130/QĐ-UBND (theo 1390/QĐ-BXD)	1772/QĐ-UBND ngày 08/10/2025	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Phòng KT
406	1.014259.H13	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	1133/QĐ-UBND (theo 3339/QĐ-BNNMT)		Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
407	1.014258.H13	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	1133/QĐ-UBND (theo 3339/QĐ-BNNMT)		Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT

408	1.014284.H13	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	1267/QĐ-UBND (theo 3380/QĐ-BNNMT)		Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
409	1.014275.H13	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	1267/QĐ-UBND (theo 3380/QĐ-BNNMT)		Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	Phòng KT
410	2.002722.H13	Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	705/QĐ-UBND ngày 31/7/2025		Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp Xã	Phòng KT
411	2.002723.H13	Tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	705/QĐ-UBND ngày 31/7/2025		Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp Xã	Phòng KT
412	2.002724.H13	Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	705/QĐ-UBND ngày 31/7/2025		Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp Xã	Phòng KT
413	1.014310.H13	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1149/QĐ-UBND (theo 3101/QĐ-BVHTTDL)	1450/QĐ-UBND ngày 30/09/2025	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH
414	1.014312.H13	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1149/QĐ-UBND (theo 3101/QĐ-BVHTTDL)	1450/QĐ-UBND ngày 30/09/2025	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Cấp Xã	Phòng VH-XH